

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh;

Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2988/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1997

Địa chỉ: A, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thiện H, sinh năm 1993

Địa chỉ: 10/56, Khu phố I, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh H - có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thu T trình bày:

- Về tình cảm: chị và anh Nguyễn Thiện H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau không bị ai ép buộc năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân ngọt ngào, không ai quan tâm đến ai. Anh H không có trách nhiệm với

cuộc sống hôn nhân và có nhiều mối quan hệ bạn bè phức tạp. Chị T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn một lần nhưng sau đó đã rút đơn hòa giải cố hàn gắn nhưng không đạt kết quả, vợ chồng đã sống ly thân.

Vì vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, nay chị T xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Nguyễn Thiện H trình bày:

- Về tình cảm: anh và chị Nguyễn Thu T quen biết và tìm hiểu nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và sau đó tiến tới hôn nhân không bị ai ép buộc. Anh và chị T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2022 đã được Ủy ban nhân dân phường T cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến thời gian sau này, anh H đầu tư kinh doanh thất bại, nợ nần và có một số người tìm đến gia đình, chị T chửi bới làm cho chị T hoang mang, lo sợ không tin tưởng anh H và dẫn đến các mâu thuẫn trong gia đình. Theo anh nguyên nhân là do chị T mất niềm tin, bất đồng quan điểm với anh H. Anh đã có gắng thay đổi và níu kéo hạnh phúc gia đình.

Tuy nhiên, đầu tháng 8/2023 thì chị T tự về nhà bố mẹ đẻ ở phường T còn anh ở với bố mẹ đẻ ở phường H. Chị T cũng đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án thành phố B một lần nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn tình cảm nay lại nộp đơn xin ly hôn.

Hiện nay anh H xác định vẫn còn thương và còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải hàn gắn tình cảm giữa anh H với chị T.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh H trình bày thêm các nội dung sau:

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thiện H; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Thiện H cư trú tại địa chỉ số: 10/56, Khu phố I, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Thiện H kết hôn vào năm 2022, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2022 ngày 29/6/2022. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, hôn nhân giữa chị T, anh H là hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, nên chị T xin được ly hôn với anh H. Anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải hàn gắn tình cảm.

Chị T, anh H đều thừa nhận: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H đầu tư kinh doanh thất bại, nợ nần bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau. Chị T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn một lần. Hiện nay chị T, anh H đang sống ly thân. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T mong muốn được tiếp tục hòa giải để chị T thay đổi ý định ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành hòa giải, chị T đề nghị không tiến hành hòa giải và tại phiên tòa vẫn kiên quyết ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là có thật. Hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh H.

[2.2]. Về con chung:

Chị T, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung:

Chị T, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung:

Chị T, anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thiện H.

2. Về con chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001690 ngày 13/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đương sự đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND ND nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Công